

Quảng Nam, ngày 11 tháng 10 năm 2024

THƯ MỜI KHẢO SÁT BÁO GIÁ

Kính gửi: Các nhà cung cấp có quan tâm

Công ty cổ phần Than-Điện Nông Sơn - TKV xin gửi lời chào trân trọng và hợp tác tới quý đơn vị.

Hiện tại, chúng tôi đang có nhu cầu mua sắm: Hóa chất phục vụ sản xuất năm 2025. Chúng tôi kính mời các nhà cung cấp (NCC) có quan tâm, tham gia khảo sát và báo giá vật tư, hàng hóa, với nội dung như sau:

1. Thông tin về vật tư, hàng hóa cần mua:

- Tên đơn hàng: Mua sắm hóa chất phục vụ sản xuất năm 2025
- Chi tiết vật tư, hàng hóa: Bao gồm các nội dung tên vật tư, hàng hóa, thông số kỹ thuật quy cách vật tư, số lượng chi tiết như phục lục kèm theo.
- Yêu cầu về vật tư, hàng hóa:
 - + Các vật tư, hàng hóa mới 100% chưa qua sử dụng, đúng quy cách, danh điểm và thông số kỹ thuật theo tiêu chuẩn của nhà sản xuất; Hàng hóa được chào phải thể hiện rõ nhà sản xuất, xuất xứ và nguồn gốc hợp pháp của hàng hóa.
 - + Nhà cung cấp đính kèm cùng báo giá các tài liệu kỹ thuật của hàng hóa như: Catalog của hàng hóa để chứng minh hàng hóa là đáp ứng các yêu cầu kỹ thuật của thư mời.
 - + Khi chào vật tư, hàng hóa tương đương, NCC phải có tài liệu chứng minh của hãng sản xuất (nhà sản xuất) đảm bảo đáp ứng được chất lượng sản phẩm.

2. Nội dung bản chào giá (BCG)

a. Yêu cầu về tư cách, kinh nghiệm và năng lực NCC

- Có Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh/ Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp. Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư, giấy phép kinh doanh đối với mặt hàng kinh doanh có điều kiện (nếu có) (Bản sao công chứng hoặc bản sao có đóng dấu đỏ của doanh nghiệp).
- Hợp đồng tương tự với phần công việc mời chào giá
- Trong quá trình chuẩn bị bản chào giá, Nhà cung cấp có quyền tham gia khảo sát thực tế tại bên mời chào giá nhằm đảm bảo vật tư, hàng hóa cung cấp phù hợp.

b. Các yêu cầu về thương mại:

- Bản báo giá phải ghi rõ tên vật tư, hàng hóa, quy cách, mã hiệu, đơn vị tính, số lượng, đơn giá của từng vật tư, hàng hóa, tổng giá trị đơn hàng đã bao gồm chi phí khảo sát, chi phí vận chuyển, các loại thuế và chi phí khác.
- Địa điểm giao hàng: Tại kho Vật tư Công ty cổ phần Than-Điện Nông Sơn – TKV, địa chỉ: Thị trấn Trung Phước, huyện Nông Sơn, tỉnh Quảng Nam

- Thời gian giao hàng: Nhà cung cấp đề xuất thời gian giao hàng.
- Chất lượng hàng hóa: Phải đảm bảo tiêu chuẩn của nhà sản xuất và còn hạn sử dụng
- Hiệu lực của bản chào giá: ≥ 60 ngày kể từ ngày hết hạn nộp báo giá.
- NCC có thể báo giá cho toàn bộ hoặc báo giá cho một phần vật tư, hàng hóa thuộc phạm vi cung cấp tùy thuộc vào khả năng thực tế của mình.

4. Hình thức báo giá:

- Bản báo giá và biểu báo giá phải do đại diện hợp pháp của NCC ký tên và đóng dấu. Trường hợp ký thay thì người ký phải được ủy quyền của đại diện hợp pháp của NCC kèm theo giấy ủy quyền, quyết định giao việc hoặc văn bản tương đương.

- Bản báo giá và các tài liệu kèm theo phải được gửi trong phong bì dán kín, có niêm phong và gửi trực tiếp về địa chỉ:

+ Phòng Kế hoạch - Đầu tư - Vật tư, Công ty cổ phần Than-Điện Nông Sơn – TKV, địa chỉ: tổ dân phố Nông Sơn, thị trấn Trung Phước, huyện Nông Sơn, tỉnh Quảng Nam; Điện thoại: 02353. 656 900 (Ghi chú: Hồ sơ chào giá nộp trực tiếp – người đến nộp phải mang theo Giấy giới thiệu và bản sao CMND hoặc CCCD còn giá trị)

Hoặc Nhà cung cấp có thể gửi báo giá và tài liệu về địa chỉ email: **Nongson@vinacompower.vn** và **Email: phongkhnongson@gmail.com** (Ghi chú: Đối với các đơn vị gửi báo giá qua email vẫn phải hoàn thiện gửi bản báo giá gốc cho bên mời chào giá qua đường bưu điện hoặc nộp trực tiếp theo địa chỉ nêu trên)

- Mọi thông tin trao đổi về phần kỹ thuật và tham gia khảo sát hàng hóa xin vui lòng liên hệ: Ông Bùi Quang Thắng – Phó phòng Kế hoạch-Đầu tư-Vật tư; số điện thoại: 0976.696.617.

2. Thời gian nhận bản báo giá: Bản báo giá và tài liệu kèm theo phải được gửi đến Công ty cổ phần Than-Điện Nông Sơn – TKV không chậm hơn 09 giờ 00 phút, ngày 21 tháng 10 năm 2024.

Trân trọng cảm ơn sự hợp tác của các Nhà cung cấp!

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- Email: truyenthongtkv@vinacom.vn (để đăng tải);
- Email: quyennb@vinacompower.vn (để đăng tải);
- Lưu VT, KĐV, BQT (4).

GIÁM ĐỐC



Trần Hữu Thắng

PHỤ LỤC YÊU CẦU CHI TIẾT VỀ CÁC VẬT TƯ, HÀNG HÓA
(Kèm theo văn bản số: 2907/V.NSCP-KĐV ngày 11 tháng 10 năm 2024)

STT	Mã vật tư	Tên vật tư, hàng hóa	Danh điểm, thông số kỹ thuật, số chế tạo	Đơn vị	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền trước thuế	Nguồn, gốc, xuất xứ
1	2	3	4	5	6	7	8	9
I		Hóa chất xử lý nước						
*		Phần sản xuất than						
1		Hóa chất PAC	Al ₂ O ₃ > 30 % (dạng bột)	kg	10.000			
2		Natri Hydrôxit	NaOH (> 98%), (dạng bột)	kg	20.000			
3		Hóa chất Polyme	Polyme, (dạng bột)	kg	3.000			
*		Phần sản xuất điện						
1		Axit Clohydric	HCl 32±1 %, (dạng lỏng)	kg	42.900			
2		Natri Hydrôxit	NaOH 32±1 %, (dạng lỏng)	kg	56.550			
3		Nhôm trùng hợp PAC	[Al ₂ (OH) _n Cl _{6-n}] _m , 31% (Dạng lỏng)	kg	600			
4		Javen	NaOCl	Kg	50			
5		Amoni hydroxide	NH ₄ OH, Nồng độ 25%	Kg	480			
6		Natri Phosphat	Na ₃ PO ₄ ≥ 98%	Kg	300			
7		Hydrazine	N ₂ H ₄ .H ₂ O, Nồng độ 80%	Kg	480			
8		Dung dịch Standard solution	Standard solution SiO ₂	Lít	2,5			
9		Dung dịch CA80SI Reagent RN	CA80SI Reagent RN	Lít	1			
10		Dung dịch CA80SI Reagent RB	CA80SI Reagent RB	Lít	1			
11		Dung dịch CA80SI Reagent RK	CA80SI Reagent RK	Lít	1			

STT	Mã vật tư	Tên vật tư, hàng hóa	Danh điểm, thông số kỹ thuật, số chế tạo	Đơn vị	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền trước thuế	Nguồn, gốc, xuất xứ
1	2	3	4	5	6	7	8	9
12		Dung dịch CA80SI Reagent RN, Component 2	CA80SI Reagent RN, component 2	kg	0,1			
13		Hóa chất R1	Silicon meter reagent 1	gói	20			
14		Hóa chất R2	Silicon meter reagent 2	gói	20			
15		Hóa chất R3 (Silicon meter reagent 3)	Silicon meter reagent 3	gói	20			
16		Hóa chất R0	Silicon meter standard	gói	10			
17		Dung dịch Silica Standard solution,	58078020, 250ppb; 1lít/lọ	Lọ	3			
18		Hóa chất Oxalic acid dihydrate	PN 58091286 C2H2O4	Lọ	3			
19		Hóa chất p-methylaminophenol sulfate	PN 58091279 C14H20N2O6S	Lọ	3			
20		Potassium disulfite, PN58091278	PN 58091278	Lọ	3			
21		Amonium molybdate	PN 58091277	Lọ	3			
22		Hóa chất Thermo scientific reorder	Code 181073; 60mm/lọ	Lọ	10			
23		Oxygen scavenger	Code 181811	Lọ	2			
24		Chế phẩm sinh học	BIO EM 1kg/gói	gói	24			
II		Hóa chất thí nghiệm						
*		Phần sản xuất than						
1		Hóa chất Endress+Hauser	CY80FE-1009/0	Lọ	3			
2		Hóa chất Endress+Hauser	CY820-1035/0	Lọ	3			

STT	Mã vật tư	Tên vật tư, hàng hóa	Danh điểm, thông số kỹ thuật, số chế tạo	Đơn vị	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền trước thuế	Nguồn, gốc, xuất xứ
1	2	3	4	5	6	7	8	9
3		Hóa chất Endress+Hauser	CY80FE-1056/0	Lọ	3			
4		Hóa chất	HANNA HI 7004	Lọ	3			
5		Hóa chất	HANNA HI 7007	Lọ	3			
6		Hóa chất mẫu thử Fe		Lọ	1			
7		Hóa chất mẫu thử pH	pH 4.01	Lọ	1			
8		Hóa chất mẫu thử pH	pH 7.01	Lọ	1			
9		Hóa chất mẫu thử pH	pH 10.01	Lọ	1			
10		Hóa chất	Manganese standium solution 1000ppm. 500ml/lọ	Lọ	2			
11		Hóa chất Nitric acid	Nitric acid 65% (HNO3)	Lọ	1			
12		Hóa chất Hydroxylamine hydropchloride	H3NOHCL	Lọ	1			
13		Hóa chất Formaldehyde	CH2O, 37%	Lọ	1			
14		Hóa chất Ammonium hydroxide solution	NH4OH, 25%	Lọ	1			
15		Hóa chất EDTA (ethylene diaminestetraaceyic acid disodium salt dihydrate)	C10H14N2Na2O8.2H2O	Lọ	1			
16		Hóa chất Hydroxylamine hydrochloric	H3NOHCL	Lọ	1			
*		Phần sản xuất điện						
1		Acid sulfuric	H2SO4, 500ml/chai	Chai	2			
2		Hydrochloric acid	HCl, 500ml/chai	Chai	2			
3		Acid boric	H3BO3, 500g/lọ	Lọ	1			
4		Acid Oxalic	C2H2O4, 500ml/chai	Chai	4			

STT	Mã vật tư	Tên vật tư, hàng hóa	Danh điểm, thông số kỹ thuật, số chế tạo	Đơn vị	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền trước thuế	Nguồn, gốc, xuất xứ
1	2	3	4	5	6	7	8	9
5		Acid acetid	CH3COOH, 500ml/chai	Chai	2			
6		Ethylenediamine tetraacetic acid disodium salt	EDTA ; C10H14N2O8Na2.2H2O, 250g/lọ	Lọ	1			
7		Sodium chloride	NaCl, 500g/lọ	Lọ	2			
8		Sodium hydroxide	NaOH, 500g/lọ	Lọ	2			
9		potassium iodide	KI, 500g/lọ	Lọ	1			
10		Iodine	I2; 99,8%; 250g/lọ	Lọ	1			
11		Hồ tinh bột, starch soluble	(C6H10O5)n; 500g/lọ	Lọ	1			
12		Natri Thiosunfat	Na2S2O3.5H2O; 500g/lọ	Lọ	1			
13		Murexit	C8H8N6O6; 25g/lọ	Lọ	1			
14		Mordant black T	C20H12N3NaO7S; 25g/lọ	Lọ	1			
15		Acid chrome blue K	(C16H9N2Na3O12S3); 25g/lọ	Lọ	1			
16		Methyl red	C15H15O2N3; 25g/lọ	Lọ	1			
17		Methyl orange	(C14H14O3N3SNa); 25g/lọ	Lọ	1			
18		Xanh metylen Methylene blue trihydrate	C16H18ClN3S.3H2O; 25g/lọ	Lọ	2			
19		Phenolphthalien	C20H14O4; 25g/lọ	Lọ	1			
20	Silica	84μS/cm Conductivity Standard	HI7033L; 500ml/lọ	Lọ	2			
21			HI-93705-03	Hộp	14			
22		Phosphate HR	HI-93717-03	Hộp	5			
23		Iron HR	HI-93721-03	Hộp	2			
24		Copper LR	HI-95747-03	Hộp	2			
25		Dissolved oxygen	HI93732-03	Hộp	2			

STT	Mã vật tư	Tên vật tư, hàng hóa	Danh điểm, thông số kỹ thuật, số chế tạo	Đơn vị	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền trước thuế	Nguồn, gốc, xuất xứ
1	2	3	4	5	6	7	8	9
26		Hydrazine	HI-93704-03	Hộp	2			
27		Free Chlorine	HI-93701-03	Hộp	2			
28		Ammonia LR	HI-93700-03	Hộp	2			
29		pH 10.01 Bufer Solution	HI7010L; 500ml/lọ	Lọ	2			
30		pH 9.18 Bufer Solution	HI7009L; 500ml/lọ	Lọ	2			
31		pH 7.01 Bufer Solution	HI7007L; 500ml/lọ	Lọ	2			
32		pH 6.86 Bufer Solution	HI7006L; 500ml/lọ	Lọ	2			
33		pH 4.01 Bufer Solution	HI7004L; 500ml/lọ	Lọ	2			

